



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2019/CBTT-HĐQT
V/v CBTT báo cáo thường niên năm 2018

Gia Lai; ngày 28 tháng 03 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ trụ sở chính: 650 Lê Duẩn - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0269 3 756096 Fax: 0269 3756097

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Bình

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Điện thoại: 0269 3 756093.

Fax: 0269 3 756097.

Loại công bố thông tin: 24h 72 h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2018, thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn "www.sesan4a.com.vn - mục công bố thông tin".

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- CT.HĐQT (b/cáo)
- Lưu VP, HĐQT

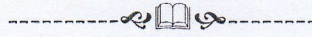
Tài liệu gửi kèm: : Báo cáo thường niên năm 2018.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Gia Lai, tháng 03 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY
ĐIỆN SÊ SAN 4A**

-----◇-----

Số: 01/2019/S4A-BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---☆---

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
Năm báo cáo: 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A
- Tên tiếng Anh: Se San 4A hydroPower Joint Stock company
- Tên viết tắt: SHJC
- Logo:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900413305 đăng ký lần đầu ngày 15/5/2007 sửa đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2013 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gialai cấp
- Vốn điều lệ: 422.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 422.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 650 Lê Duẩn – thành phố Pleiku – tỉnh Gialai
- Số điện thoại: 02693 756 096
- Số fax: 02693 756 097
- Website: <http://www.sesan4a.com.vn>
- Mã cổ phiếu: S4A

Quá trình hình thành và phát triển;

- Thành lập tháng 05/2007.
- Khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Sê San 4A tháng 15/03/2008.
- Vận hành phát điện kinh doanh thương mại tổ máy số 01 vào tháng 07/2011.
- Vận hành phát điện kinh doanh thương mại tổ máy số 02 vào tháng 09/2011.

- Vận hành phát điện kinh doanh thương mại tổ máy số 03 hoàn thành công tác đầu tư xây dựng nhà máy vào tháng 11/2011.
- Tháng 12 năm 2012 Công ty tăng vốn điều lệ từ 360 tỉ đồng lên 422 tỉ đồng bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu phân phối theo tỷ lệ cho các Cổ đông hiện hữu và các Cổ đông khác.
- Ngày 14/02/2015 là Công ty đại chúng qui mô lớn.
- Lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 07/10/2015.
- Ngày 27/05/2016 chính thức niêm yết 42.200.000 cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mức giá tham chiếu phiên giao dịch đầu tiên 15.000 đồng/ cổ phiếu

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

o Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện; - Xây dựng công trình công nghiệp; - Xây dựng đường dây và trạm biến thế.
2	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông.
4	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.
6	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng.
7	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất điện; truyền tải điện; - Phân phối và kinh doanh điện năng.
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện.

9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động ngành nghề này khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)
10	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện.
11	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (Tận dụng từ việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện)

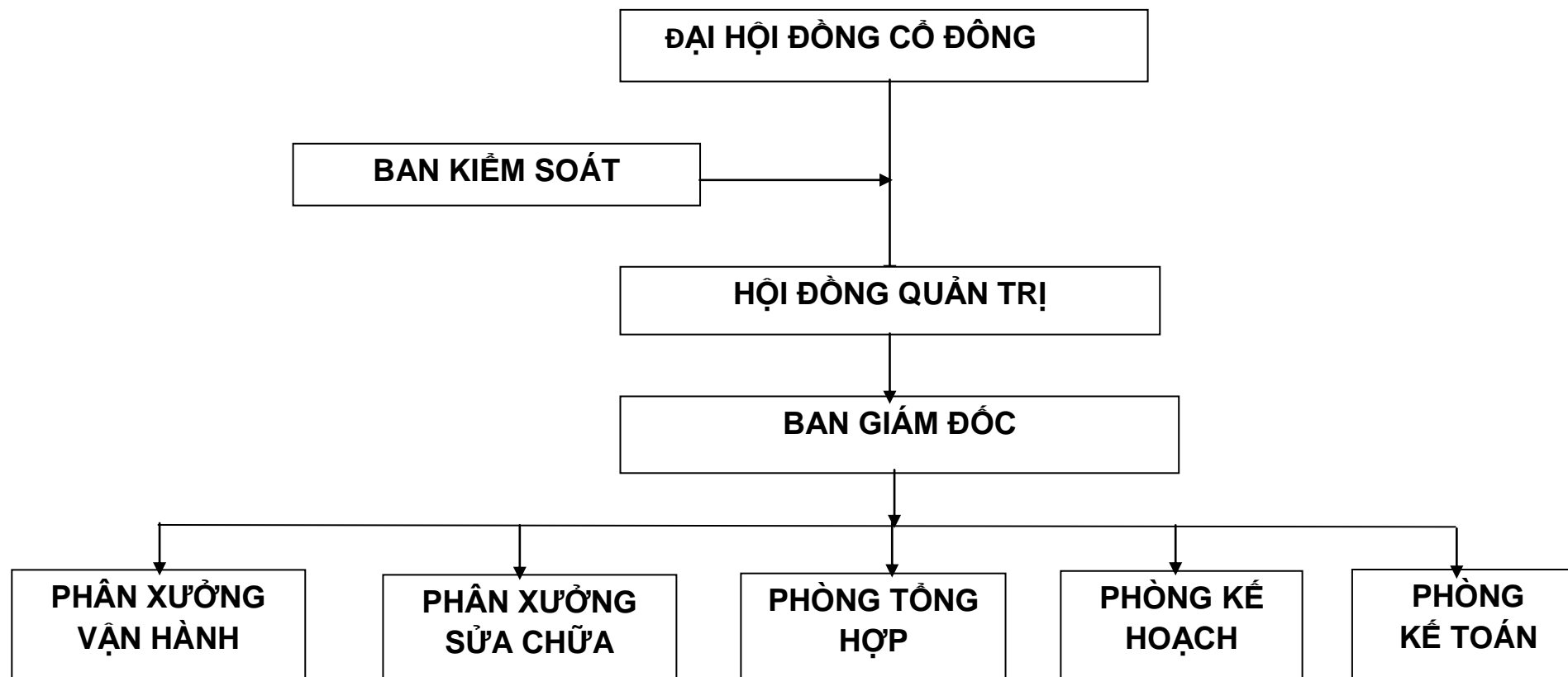
o **Địa bàn kinh doanh hiện nay:** Tỉnh Gia Lai – Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

o **Mô hình quản trị:** Công ty thực hiện quản trị theo Điều lệ hoạt động và các quy chế quản lý, quản trị của Công ty ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành:

- **Đại Hội đồng cổ đông:** Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thay mặt Cổ đông kiểm soát, đánh giá hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty và kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong thực hiện kế toán, kiểm toán của Công ty.
- **Hội đồng Quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông.
- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông. Tổng Giám đốc quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm: Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

o Cơ cấu bộ máy quản lý:



- **Các Công ty con, Công ty liên kết:** *Không có*

4. Định hướng phát triển:

- a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Sản xuất và kinh doanh điện năng, phát huy tối đa năng lực hiện có, từng bước mở rộng lĩnh vực đầu tư và kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông, người lao động và sự phát triển của xã hội.
- b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
 - Tiếp tục phát huy năng lực hiện có sản xuất điện năng đạt và vượt sản lượng điện thương phẩm bình quân hàng năm. Tìm kiếm các dự án có hiệu quả phù hợp với năng lực và mô hình của Công ty để đầu tư, từng bước thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực đã được đăng ký trong giấy phép kinh doanh.
 - Đảm bảo SXKD có hiệu quả, lợi tức chia cho các Cổ đông đạt 20-30%/năm, thu nhập bình quân của CBCNV đạt trên 12 triệu đồng/người/tháng.
- c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:** Với phương châm phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của Công ty với trách nhiệm xã hội, đảm bảo rằng các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ việc giám sát chất lượng môi trường theo quy định. Ủng hộ các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về điều kiện tự nhiên: Đặc thù của các nhà máy thủy điện là phụ thuộc nhiều vào nguồn nước tự nhiên, biến đổi khí hậu làm thay đổi lượng mưa, thời gian mưa và cường độ của những cơn mưa dẫn đến khô hạn không có nước để nhà máy hoạt động hoặc lũ lụt gây thiệt hại cơ sở vật chất của nhà máy.
- Rủi ro chung về Kinh tế xã hội: Các nhà máy Thủy điện hiện nay chỉ được mua bởi một đơn vị duy nhất là Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nên không có sự cạnh tranh về giá cả. Cơ chế điều hành giá bán điện đang còn nhiều bất cập, giá điện được cố định theo hợp đồng chưa được điều chỉnh tăng giảm theo cơ chế thị trường. Lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi liên tục làm cho Công ty không chủ động được trong thực hiện các kế hoạch đã đưa ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện(%)	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,000	364,983	110,27	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	281,682	309,395	109,84	
2.1	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	278,682	307,492	110,34	
2.2	Doanh thu tài chính và doanh thu khác	Tỷ đồng	3,00	1,90	63,43	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	189,592	171,006	90,20	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	92,090	138,389	150,28	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	4,604	7,090	153,98	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	87,485	131,299	150,08	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/ICP	20,73	31,11	150,08	

b) Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch: Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong một năm gặp nhiều thuận lợi, nền kinh tế đất nước trên đà tăng trưởng, lãi suất Ngân hàng tương đối ổn định, tỷ giá USD biến động tăng không đáng kể. Hoạt động sản xuất sản lượng điện thương phẩm trong năm 2018 gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa khá được phân bố đều vào các tháng trong năm, lượng nước về hồ Sê San 4A ổn định. Do đó, sản lượng điện thương phẩm thực hiện đạt được 364,9/331,0 triệu kWh đạt 110,27% kế hoạch năm.

Do đó, năm 2018 các chỉ tiêu về tài chính và lợi nhuận đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu
Nguyễn Bình	TGD	1982	Cử nhân kinh tế	180.000
Trần Đức Hiền	P TGD	1972	Kỹ sư điện	44.560

b) Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên: 60 người tính đến thời điểm 31/12/2018 và được cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo giới tính:		

Nam	52	86.7%
Nữ	8	13.3%
Theo trình độ:		
Đại học và trên đại học	17	28.3%
Cao đẳng, trung cấp	19	31.7%
Lao động có tay nghề	16	26.7%
Lao động phổ thông	8	13.3%
Tổng	60	100%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Chưa có.
 b) Các công ty con, công ty liên kết: Chưa có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.236.326.586.891	1.122.804.211.542	-9,18%
Doanh thu thuần	286.030.187.288	307.491.761.323	7,5%
Lợi nhuận từ hoạt động k.doanh	139.053.128.672	137.370.188.106	-1,21%
Lợi nhuận khác	2.757.495.007	359.319.525	-86,97%
Lợi nhuận trước thuế	141.810.623.679	137.729.507.631	-2,88%
Lợi nhuận sau thuế	134.237.526.581	130.695.326.118	-2,64%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.181	3.097	-2,64%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,70	0,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	1,69	0,91	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57	0,57	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,34	1,34	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán	53,79	67,69	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,23	0,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,47	0,43	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,27	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,49	0,45	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần vào thời điểm 31/12/2018 là 42.200.000 cổ phiếu.

- Cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2018:

ST T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	609 Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai	22.705.903	53,8%
2	Công ty TNHH MTV Trung Sơn Gia Lai	155 Trần Phú, P. Diên Hồng, TP. Pleiku, Gia Lai	2.200.200	5,2%
3	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vĩnh hiệp	404 Lê Duẩn - TP.Pleiku - Gia Lai	4.844.089	11,5%

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	0	0	0%
Trong nước	1.080	42.188.200	99,97%
Cá nhân	1.070	10.220.758	24,22%
Tổ chức	10	31.967.442	75,75%
Nước ngoài	8	11.800	0,03%
Tổng cộng	1.088	42.200.000	100%

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần đang lưu hành	42.200.000	
2	Cổ phần chuyển nhượng tự do	42.200.000	
3	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Không có thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e) **Các chứng khoán khác:** *Không có các chứng khoán khác.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: Sản phẩm chính của Công ty là sản xuất điện năng bằng thủy điện nên không có nguồn nguyên vật liệu.
- b. Nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Là nhà máy sản xuất điện năng nên công ty dùng điện tự dùng của nhà để phục vụ sản xuất, ngoài ra còn mua điện từ lưới điện quốc gia hoặc điện địa phương để sử dụng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt khi nhà máy không phát điện.
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
- c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: Công ty dùng nguồn nước thiên nhiên để sản xuất điện năng bằng hình thức nước tự chảy qua tuabin nhà máy và trả về cho thiên nhiên.

6.4. Tuân thủ pháp luật về môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b. Tổng số tiền xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tổng số CBCNV toàn Công ty là 60 người, mức lương bình quân năm 2018 là 9,8 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách đối với người lao động: Công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo chức danh và nhiệm vụ được giao và được trả vào ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng. Hàng năm tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty đưa ra mức thưởng phù hợp, đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động. Thực hiện các đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động theo quy định của luật lao động, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ...Ngoài ra, hàng năm, Công ty căn cứ nhu cầu công việc của các Phòng, ban, phân xưởng để cử cán bộ đi đào tạo các lớp ngắn hạn theo yêu cầu công việc để nâng cao trình độ quản lý. Luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng CBCNV vận hành nhà máy, phục vụ nhiệm vụ sản xuất của Công ty, tổ chức cho CBCNV Công ty tham quan, du lịch, thực hiện các chế độ thưởng trong các dịp Lễ, Tết.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội:

Nhà máy thủy điện SS4A được xây dựng tại vùng biên giới khu vực đặt biệt khó khăn, trong quá trình đầu tư triển khai xây dựng dự án và sau khi đi vào vận hành kinh doanh hàng năm Công ty ủng hộ thường xuyên các chương trình an sinh xã hội tại địa phương mỗi năm khoảng 300 đến 500 triệu đồng. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương nhằm chung tay góp sức vào công cuộc đổi mới và phát triển của tỉnh Gia Lai.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK nhà nước:

Mục tiêu Công ty hướng đến là minh bạch mọi thông tin thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo thường niên đề cập đến phát triển bền vững, phát triển xanh. Đây sẽ là cơ hội để Công ty này "lọt" vào tầm ngắm, huy động vốn ngoại đến từ các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài chuyên về đầu tư xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong một năm gặp nhiều thuận lợi, nền kinh tế đất nước trên đà tăng trưởng, lãi suất Ngân hàng tương đối ổn định, tỷ giá USD biến động tăng không đáng kể. Hoạt động sản xuất sản lượng điện thương phẩm trong năm 2018 gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa khá được phân bố đều vào các tháng trong năm, lượng nước về hồ Sê San 4A ổn định. Do đó, sản lượng điện thương phẩm thực hiện đạt được 364,983/331,000 triệu kWh đạt 110,27% kế hoạch năm.

Năm 2018 các chỉ tiêu về tài chính và lợi nhuận đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra, cụ thể như sau:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện(%)	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,000	364,983	110,27	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	281,682	309,395	109,84	
2.1	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	278,682	307,492	110,34	
2.2	Doanh thu tài chính và doanh thu khác	Tỷ đồng	3,00	1,90	63,43	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	189,592	171,006	90,20	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	92,090	138,389	150,28	

5	Thuế thu nhập doanh nghiệp 5%	Tỷ đồng	4,604	7,090	153,98	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	87,485	131,299	150,08	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/ICP	20,73	31,11	150,08	

b) Công tác sản xuất điện:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện thuê nhà thầu có năng lực thực hiện duy tu sửa chữa thiết bị nhà máy định kỳ sau một năm vận hành vào các tháng mùa khô, đảm bảo thời gian so với kế hoạch không ảnh hưởng đến kế hoạch phát điện. Ngoài việc thuê đơn vị ngoài thực hiện, Công ty luôn chủ động thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị cơ điện nhà máy, thiết bị trạm biến áp 220 KV và các hạng mục công trình thủy công, công trình xây dựng phục vụ công tác sản xuất điện nên nhà máy luôn vận hành ổn định, an toàn không có sự cố hỏng hóc thiết bị xảy ra. Thực hiện điều tiết tốt lưu lượng nước về hồ trong mùa khô để nâng cao hiệu quả vận hành, chủ động thực hiện công tác mua sắm các vật tư, thiết bị dự phòng cho các tổ máy kịp thời và tiết kiệm để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ: Năm 2018 Công ty thực hiện việc tổ chức kiểm tra an toàn định kỳ nhằm nâng cao ý thức trong công tác an toàn lao động cho người lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với điều kiện làm việc của từng cán bộ công nhân viên vận hành nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động của yếu tố môi trường làm việc gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động. Tất cả cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy đều được bồi dưỡng, huấn luyện, kiểm tra định kỳ đạt yêu cầu trước khi bố trí công việc. Công tác phòng chống cháy nổ: Năm 2018 Công ty đã tổ chức mời Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Gia Lai tập huấn về Phòng chống cháy nổ tại nhà máy và trang bị đầy đủ các phương tiện dụng cụ theo qui định. Xây dựng và tổ chức diễn tập phương án chữa cháy trong khu vực Nhà Máy. Định kỳ hàng quý tổ chức kiểm tra các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC và các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong công tác vận hành.
- Công tác phòng chống lụt bão và điều tiết nước về mùa kiệt: Việc thực hiện công tác Phòng chống lụt bão năm 2018, Công ty đã thực hiện nghiêm túc theo đúng Quy trình vận hành liên hồ và quy trình vận hành đơn hồ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Phối hợp với các Nhà máy thủy điện bậc thang phía thượng lưu để nắm bắt tình hình diễn biến của lưu lượng nước về trên lưu vực sông Sê San nhằm đảm bảo duy trì phát điện 01 tổ máy để điều tiết nước về hạ du vào mùa kiệt theo quy định của quy trình vận hành đã được phê duyệt.
- Kết hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia cập nhật, tập huấn các quy định mới về công tác vận hành nhà máy điện. Công ty đã tổ chức phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên làm việc trong Nhà máy thực hiện đúng Nội quy, Quy trình, Quy phạm đã được cập nhật ban hành.

c) Công tác tài chính và chi trả cổ tức:

- Đôn đốc, giám sát Ban TGD chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ liên quan lập hồ sơ thanh toán tiền điện hàng tháng, thu hồi công nợ kịp thời, trả nợ Ngân

hàng và nộp các khoản thuế, phí với nhà nước đúng kỳ hạn. Chỉ đạo dùng nguồn tiền nhàn rỗi ngắn hạn của Công ty cho gửi tiết kiệm có kỳ hạn, sử dụng hiệu quả để tăng doanh thu hoạt động tài chính năm 2018 của Công ty.

- Chỉ đạo ban điều hành Công ty chủ động làm việc với Ngân hàng cho vay vốn BIDV Nam Gia Lai đề nghị điều chỉnh mức lãi suất vay phù hợp theo mặt bằng lãi suất chung của hợp đồng tín dụng.

- Trong năm 2018, Công ty đã thanh toán chi trả cổ tức còn lại của năm 2017 vào ngày 15 tháng 05 năm 2018 với mức chi trả 6,0%/CP.

- Trên cơ sở số liệu kết quả SXKD năm 2018 HĐQT đã quyết định chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 với mức chi tạm ứng là 5%/1CP ngày thanh toán 15/05/2018, chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 mức tạm ứng 16% ngày thanh toán 05/11/2018 và chi trả tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2018 mức chi trả là 9% đã thanh toán cho Cổ đông vào ngày 29/01/2019. Tổng cộng đã chi trả cổ tức năm 2018 là 30%.

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan hoàn thành công tác thanh quyết toán các chi phí lập báo cáo tài chính hàng quý theo quy định, rà soát số liệu, chứng từ kế toán và lập báo cáo kết thúc năm tài chính 2018 để Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán vào quý 01 năm 2019.

d) Công tác lao động, tiền lương:

- Tổng số CBCNV toàn Công ty là 60 người, trong đó lực lượng lao động sản xuất tại Nhà máy là 43 người. Công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo chức danh và nhiệm vụ được giao, tùy theo kết quả hoạt động SXKD Công ty đưa ra mức thưởng phù hợp để khuyến khích người lao động. Trong năm qua, Công ty đã duy trì và đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập cho cán bộ công nhân viên Công ty năm sau cao hơn năm trước.

- Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ .v.v. Hàng năm, Công ty căn cứ nhu cầu công việc của các Phòng, ban, phân xưởng để cử cán bộ đi đào tạo các lớp ngắn hạn theo yêu cầu công việc để nâng cao trình độ quản lý. Luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng CBCNV vận hành nhà máy, phục vụ nhiệm vụ sản xuất của Công ty, hàng năm tổ chức cho CBCNV Công ty tham quan, du lịch, thực hiện các chế độ thưởng trong các dịp Lễ, Tết.

e) Công tác đầu tư phát triển các dự án mới:

- Thực hiện theo nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017: Công ty đã thực hiện xong các thủ tục pháp lý về chủ trương lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án điện năng lượng mặt trời; đã được UBND tỉnh Gia Lai cho phép khảo sát lập hồ sơ bổ sung quy hoạch 02 dự án điện mặt trời: 01 dự án tại huyện Krong Pa công suất 43 MW và 01 dự án tại thị xã Ayun Pa có công suất 46 MW.

- Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ bổ sung quy hoạch: dự án tại huyện Krong Pa đã được UBND tỉnh Gia Lai trình Bộ Công thương xem xét phê

duyệt, dự án tại thị xã Ayun Pa đang trình UBND tỉnh xem xét đề trình Bộ Công thương.

- Hiện nay do khu vực lập hồ sơ bổ sung quy hoạch 02 dự án của Công ty bị quá tải về đường dây truyền tải điện nên Bộ Công thương đang tạm hoãn các thủ tục phê duyệt bổ sung quy hoạch, việc bổ sung quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Tập đoàn EVN đầu tư đường dây 220 KV Sơn Hòa, Phú Yên - Krông Pa, Gia Lai.
- Công tác triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư trước mắt tạm dừng do không có đường dây đấu nối, sau khi đáp ứng đủ điều kiện đấu nối dự án vào hệ thống điện Quốc Gia sẽ tiếp tục triển khai thực hiện.

f) Công tác khác:

- Chỉ đạo Ban điều hành công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 09/04/2018, thực hiện chi trả cổ tức năm 2017; 2018 cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty luôn tuân thủ các quy định về Chứng khoán, Thị trường Chứng khoán, công tác lập các loại báo cáo, công bố thông tin theo quy định áp dụng cho các Công ty niêm yết được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ tạo niềm tin cho Cổ đông và các nhà đầu tư.
- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của toàn thể CBCNV và người lao động, quan tâm đến môi trường làm việc, điều kiện lao động và an toàn lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản :

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	2017	2018
Tài sản ngắn hạn	150,149,583,122	85,142,835,855
Tài sản dài hạn	1,086,177,003,769	1,037,661,375,687
Tổng tài sản	1,236,326,586,891	1,122,804,211,542
Nguồn vốn chủ sở hữu	528,063,894,520	479,101,694,057
Nợ ngắn hạn	88,156,842,371	91,826,617,485
Nợ dài hạn	620,105,850,000	551,875,900,000

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là: 643,702,517,485 đ

Trong đó

- Nợ vay ngắn hạn: 91,826,617,485 , đ
- Nợ vay dài hạn: 551,875,900,000 , đ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Về cơ cấu tổ chức: Mục đích của Công ty là duy trì ổn định bộ máy tổ chức, bố trí phù hợp với kế hoạch của Công ty đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí, tinh giảm lực lượng lao động dư thừa.
- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý nhân lực, kiểm soát mọi rủi ro, thường xuyên kiểm tra giám sát lực lượng sản xuất tại nhà máy. Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý phù hợp với các văn bản chính sách chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty, thắt chặt quản lý nội bộ, gắn trách nhiệm đến từng vị trí làm việc trong Công ty từ Ban điều hành đến CBCNV, người lao động.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Tiếp tục kinh doanh sản xuất điện năng với nhà máy thủy điện hiện có, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các nhà đầu tư, mang đến thịnh vượng cho CBCNV và người lao động.
- Xác định lĩnh vực thế mạnh của Công ty để tìm kiếm thêm các dự án có hiệu quả mở rộng lĩnh vực đầu tư trong tương lai.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Chấp thuận với ý kiến của Công ty kiểm toán độc lập.

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:** Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về môi trường, thực hiện giám sát, đánh giá môi trường tại khu vực nhà máy thủy điện theo quy định ĐTM đã được Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:** Trong một năm gặp nhiều thuận lợi, nền kinh tế đất nước trên đà tăng trưởng, lãi suất Ngân hàng tương đối ổn định, tỷ giá USD biến động tăng không đáng kể. Hoạt động sản xuất trong năm 2018 gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa khá được phân bố đều vào các tháng trong năm, lượng nước về hồ Sê San 4A ổn định. Do đó, năm 2018 các chỉ tiêu về tài chính và lợi nhuận đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra, cụ thể:

- **Về sản lượng:** Hoạt động sản xuất sản lượng điện thương phẩm trong năm 2018 gặp nhiều thuận lợi. Do đó, sản lượng điện thương phẩm thực hiện đạt được 364,983/331,000 triệu kWh đạt 110,27% kế hoạch năm.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- **Những nhân tố thuận lợi:**

- Nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến tích cực, lãi suất Ngân hàng ổn định, tỷ giá ngoại tệ tăng không đáng kể.
- **Những nhân tố khó khăn :**
 - Hoạt động phát điện của Công ty gặp không ít rủi ro không lường trước do tình hình thời tiết biến đổi thất thường. Để khắc phục tính thời vụ của thời tiết nhằm đảm bảo kế hoạch sản lượng sản xuất đề ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý vận hành sản xuất điện, cụ thể như sau: Về mùa mưa tận dụng lượng nước về hồ nhiều chạy phát điện hết công suất của 03 tổ máy; Về mùa khô duy trì phát điện theo quy trình điều tiết hồ chứa, và duy tu sửa chữa máy móc thiết bị, chuẩn bị thiết bị lúc nào cũng trong tình trạng được bảo dưỡng tốt nhất sẵn sàng cho việc chạy máy khi lưu lượng nước về hồ ổn định.
 - Cơ chế điều hành giá bán điện đang còn nhiều bất cập, giá điện được cố định theo hợp đồng chưa được điều chỉnh tăng giảm theo cơ chế thị trường; Lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi liên tục, hoặc có ban hành nhưng tính khả thi không cao.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Việc giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc điều hành đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty. Tổng giám đốc Công ty đã bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT và Điều lệ Công ty. Khi có các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết của TGD đều xin ý kiến HĐQT để tổ chức thực hiện. Trong năm 2018 Ban giám đốc Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, điều hành Công ty tiết kiệm chi phí, hoạt động đúng pháp luật, được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với các đối tác, các cơ quan quản lý nhà nước của Trung ương và tại địa phương. Chỉ đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Công ty với nhà nước về các loại thuế và phí.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính thận trọng, tối ưu, tiết kiệm tối đa các chi phí.
- Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý Công ty khoa học phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của nhà nước, phù hợp với mô hình thực tế của Công ty để phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo Điều lệ hoạt động của Công ty, Luật doanh nghiệp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Hàng năm phê duyệt chi phí và bố trí cho lực lượng cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo chuyên ngành phù hợp với mô hình SXKD của Công ty.
- Giám sát điều hành công tác SXKD đối với Ban điều hành Công ty, đưa ra các giải pháp chỉ đạo tối ưu. Chỉ đạo giám sát, kiểm soát nội bộ kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý, đảm bảo hiệu quả và tính minh bạch.
- **Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,000	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	292,592	
2.1	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	278,392	
2.2	Doanh thu tài chính và doanh thu khác	Tỷ đồng	14,200	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	185,134	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	107,459	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp 5%	Tỷ đồng	5,373	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	102,086	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/ICP	24,19	

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ cổ phần		Ghi chú
				CP nắm giữ	CP đại diện	
1	Nguyễn Sinh	Chủ tịch	05/07/1945	1.045.380	22.705.903	Đại diện cho Cty TNHH 30/4 Gia Lai
2	Phạm Văn Minh	Thành viên	10/12/1950	59.500		
3	Thái Như Hiệp	Thành viên	27/10/1963		4.844.089	Đại diện cho công ty TNHH Vĩnh Hiệp
4	Nguyễn Bình	Thành viên	16/8/1982	180.000		
5	Nguyễn An	Thành viên	10/05/1983	100.000		
6	Phan Văn Lân	Thành viên	18/09/1950	227.896		Bổ nhiệm 20/12/2018. Bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 01/01/2019.

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Căn cứ nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A đã triển khai thực hiện những công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và pháp luật của Nhà nước. HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với hoạt động giám sát, chỉ đạo đưa ra các nghị quyết, quyết định phục vụ cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018 Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 04 cuộc họp vào các ngày: 05/01/2018, 03/02/2018, 10/4/2018 và 29/08/2018. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia. Đối với các vấn đề quan trọng HĐQT mời trưởng các phòng, ban có liên quan trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả SXKD cao hơn cho Công ty.

Cụ thể trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ cụ thể với các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tình hình thủy văn lưu lượng nước về hồ trên hệ thống Sông Sê San. Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp nhằm chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế. HĐQT tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để nghe Tổng Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.
- Hoạt động quản trị Công ty đều theo đúng Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành.
- Trong năm 2018, Công ty đã thanh toán chi trả cổ tức còn lại của năm 2017 vào ngày 15 tháng 05 năm 2018 với mức chi trả 6,0%/CP.
- Trên cơ sở số liệu kết quả SXKD năm 2018 HĐQT đã quyết định chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 với mức chi tạm ứng là 5%/1CP ngày thanh toán 15/05/2018, chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 mức tạm ứng 16% ngày thanh toán 05/11/2018 và chi trả tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2018 mức chi trả là 9% đã thanh toán cho Cổ đông vào ngày 29/01/2019. Tổng cộng đã chi trả cổ tức năm 2018 là 30%.

- Theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2018 (bao gồm cả soát xét báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ) là Công ty TNHH kiểm toán kế toán AAC, thực hiện theo đúng quy định áp dụng cho Công ty niêm yết .
- Phê duyệt thanh lý bán tài sản (Xe đã hết khấu hao và xe không có nhu cầu sử dụng)
- Phê duyệt bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 01/01/2019 đối với ông: **Phan Văn Lân...**
- Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các phòng, ban, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.
- Việc lập các báo cáo, công bố thông tin theo quy định của Công ty đại chúng niêm yết trên sàn được Chủ tịch HĐQT quán triệt thực hiện, đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ tạo niềm tin cho cổ đông và các nhà đầu tư.

• *Các cuộc họp của HĐQT.*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Sinh	Chủ tịch	4	100%	
2	Phạm Văn Minh	Thành viên	4	100%	
3	Ông Nguyễn Bình	Thành viên	4	100%	
4	Nguyễn An	Thành viên	4	100%	
5	Ông Thái Như Hiệp	Thành viên	4	100%	

• *Các nghị quyết của HĐQT*

T T	Số nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung nghị quyết
1	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐQT	05/01/2018	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức (đợt 2) bằng tiền mặt năm 2017 và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
2	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐQT	10/04/2018	Phê duyệt nội dung chi trả cổ tức (đợt 3) năm 2017 và tạm ứng cổ tức (đợt 1) năm 2018
3	Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐQT	18/05/2018	Phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018
4	Nghị quyết số 04/2018/NQ-	29/08/2018	Phê duyệt bán thanh lý tài sản

	HĐQT		
5	Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT	10/10/2018	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức (đợt 2) năm 2018.
6	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐQT	20/12/2018	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 01/01/2019 đối với ông: Phan Văn Lân

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Thực hiện chung theo hoạt động của HĐQT.

e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Chưa có tiểu ban

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Sinh	CT.HĐQT	32/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTCK
2	Phạm Văn Minh	TVHĐQT	26/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTCK
3	Nguyễn Bình	TVHĐQT	03/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTCK
4	Nguyễn An	TVHĐQT	01/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTCK
5	Đặng Mai Sơn	Thư ký HĐQT	33/QTCT.284/QĐ-TTNC	30/12/2015	TTNCKH&ĐTCK

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ cổ phần	
					CP nắm giữ	CP đại diện
1	Lê thị Tuyết Lan	T.Ban	29/10/1978	Cử nhân kế toán	20.000	
2	Lê Văn Thuyết	T. Ban	20/11/1967	Thạc sỹ QTKD	40.000	
3	Đỗ Tiên	TV	01/06/1962	Cử nhân kế toán	15.000	

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Năm 2018, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Các hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và việc điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Kiểm tra, giám sát chi phí sản xuất điện và các chứng từ kế toán liên quan đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018, Báo cáo tài chính năm 2018;
- Giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị;
- Đề xuất kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ Điều lệ của Công ty, các qui định Pháp luật liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng chi phí thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018 là: 1,176,0 triệu đồng/1.200,0 triệu đồng đạt 98% so với kế hoạch

Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách hưởng thù lao .
- 04 TV HĐQT không chuyên trách hưởng thù lao.
- 01 TV HĐQT kiêm TGD hưởng lương không hưởng thù lao.
- 01 Thư ký kiêm nhiệm hưởng thù lao.

Ban kiểm soát

- 01 Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng thù lao.
- 02 Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách hưởng thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Sinh	Chủ tịch HĐQT	960,660	2.276%	1,369,340	3.245%	Mua thêm
2	Lê Thị Tuyết Lan	TB kiểm soát	17.100	0.041%	20.000	0.047%	Mua thêm

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có hợp đồng giao dịch

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ : Lô 70-80, đường 30 Tháng 4, quận Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại : (84.511) 3655886 **Fax:** (84.511) 3655887

Website : www.aac.com.vn

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.160.850.855	150.149.583.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.121.641.929	118.808.399.506
1. Tiền	111	5	20.865.995.884	6.235.675.243
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	10.255.646.045	112.572.724.263
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.131.805.556
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	2.000.000.000	2.131.805.556
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.379.945.963	26.943.248.709
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	42.099.379.706	24.306.908.387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	444.900.000	395.400.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.835.666.257	2.240.940.322
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.569.288.674	1.580.154.165
1. Hàng tồn kho	141		1.569.288.674	1.580.154.165
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.089.974.289	685.975.186
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	6.089.974.289	685.975.186
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.037.661.375.687	1.086.177.003.769
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.031.329.724.783	1.078.909.642.369
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.027.929.724.783	1.075.509.642.369
- Nguyên giá	222		1.386.845.434.535	1.386.792.285.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(358.915.709.752)	(311.282.643.613)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.400.000.000	3.400.000.000
- Nguyên giá	228		3.400.000.000	3.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		80.000.000	80.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		80.000.000	80.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.251.650.904	7.187.361.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	15	6.251.650.904	7.187.361.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.122.822.226.542	1.236.326.586.891

Thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		643.116.866.557	708.262.692.371
I. Nợ ngắn hạn	310		91.225.966.557	88.156.842.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.368.050	4.573.547
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	8.314.383.738	11.686.204.098
3. Phải trả người lao động	314		1.136.350.000	1.201.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	877.451.011	909.232.299
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.892.111.125	1.529.149.375
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19a	78.075.000.000	72.039.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		928.302.633	787.683.052
II. Nợ dài hạn	330		551.890.900.000	620.105.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19b	551.890.900.000	620.105.850.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		479.705.359.985	528.063.894.520
I. Vốn chủ sở hữu	410		479.705.359.985	528.063.894.520
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	422.000.000.000	422.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	20	422.000.000.000	422.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	15.026.367.939	14.026.367.939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	42.678.992.046	92.037.526.581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	42.678.992.046	92.037.526.581
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.122.822.226.542	1.236.326.586.891


 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Nguyễn Sinh

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc
 Nguyễn Bình

Kế toán trưởng
 Vũ Thị Hậu

Người lập biểu
 Vũ Thị Hậu

Thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	307.491.761.323	286.030.187.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		307.491.761.323	286.030.187.288
4. Giá vốn hàng bán	11	22	106.701.394.598	94.963.355.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		200.790.366.725	191.066.832.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.543.665.072	5.336.467.457
7. Chi phí tài chính	22	24	56.732.315.833	50.517.934.648
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.893.265.833	50.453.633.448
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.571.350.236	6.832.236.309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		138.030.365.728	139.053.128.672
11. Thu nhập khác	31	26	360.000.000	2.888.727.273
12. Chi phí khác	32	27	680.475	131.232.266
13. Lợi nhuận khác	40		359.319.525	2.757.495.007
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		138.389.685.253	141.810.623.679
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	7.090.693.207	7.573.097.098
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		131.298.992.046	134.237.526.581
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	3.111	3.124
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	3.111	3.124

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Sinh

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hậu

Người lập biểu



Vũ Thị Hậu

Thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
	Mã số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		291.349.514.670	314.578.306.324
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(9.647.346.221)	(7.536.824.722)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.931.077.542)	(7.639.683.844)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(45.986.590.365)	(50.561.721.874)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(10.311.857.489)	(3.002.104.239)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39.750.252.114	40.731.782.812
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(95.673.302.343)	(78.625.751.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		161.549.592.824	207.944.003.338
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.532.794.781)	(8.216.750.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		327.272.727	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(52.038.993.629)	(69.605.722.325)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		52.170.799.185	86.686.397.479
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.060.604.347	4.012.208.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.112.151)	12.876.133.797
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(72.346.200.000)	(70.123.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(176.877.038.250)	(108.842.738.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(249.223.238.250)	(178.965.738.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(87.686.757.577)	41.854.399.035
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		118.808.399.506	76.954.000.471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		31.121.641.929	118.808.399.506



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Sinh

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bình

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hậu

Người lập biểu

Vũ Thị Hậu

Thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mẫu số B 09 - DN***Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***1. Đặc điểm hoạt động****1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 ngày 15/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty có 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 16/12/2013.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng đường dây và trạm biến thế;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản lắp mặt bằng;
- Sản xuất điện, truyền tải điện;
- Phân phối và kinh doanh điện năng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện;
- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa;
- Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (tận dụng từ việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 46
Máy móc, thiết bị	3 – 25
Phương tiện vận tải	3 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Thời gian khấu hao của các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Sê san 4A áp dụng tại Công ty là 25 năm, dài hơn so với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 2189/STC-TCDN ngày 01/12/2014.

4.7 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 06/HĐ-NMĐ SS4A ngày 11/05/2012 ký kết với Công ty mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Trang 13

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Dự án Nhà máy thủy điện Sê San 4A được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2025).
 - Dự án Nhà máy Thủy điện Sêsan 4A được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023);
 - Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Những ưu đãi về thuế TNDN trên đây được quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000030 ngày 17/07/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	756.568.533	318.557.465
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.109.427.351	5.917.117.778
Cộng	20.865.995.884	6.235.675.243

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	10.255.646.045	112.572.724.263
Cộng	10.255.646.045	112.572.724.263

7. Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.131.805.556	2.131.805.556
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.131.805.556	2.131.805.556

Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	42.099.379.706	24.270.908.387
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	36.000.000
Cộng	42.099.379.706	24.306.908.387

Trang 16

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH XD&TM điện năng	395.400.000	395.400.000
Công ty TNHH MTV Kiểm toán và Kế toán AAC	49.500.000	-
Cộng	444.900.000	395.400.000

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	60.906.057	-	577.845.332	-
Tạm ứng	1.774.760.200	-	1.659.094.990	-
Phải thu khác	-	-	4.000.000	-
Cộng	1.835.666.257	-	2.240.940.322	-

11. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.569.288.674	-	1.580.154.165	-
Cộng	1.569.288.674	-	1.580.154.165	-

- Không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp nợ vay tại ngày 31/12/2018.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phí Bảo hiểm rủi ro tài sản	410.566.895	408.242.436
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	5.058.983.000	-
Bổ sung hoàn thiện hệ thống SCADA, AGC	566.666.667	-
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn	53.757.727	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	277.732.750
Cộng	6.089.974.289	685.975.186

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	448.069.189.525	924.414.521.761	14.085.637.180	222.937.516	1.386.792.285.982
Mua sắm trong năm	-	831.767.273	1.701.027.508	-	2.532.794.781
T/lý, nhượng bán	-	-	2.444.027.180	35.619.048	2.479.646.228
Số cuối năm	448.069.189.525	925.246.289.034	13.342.637.508	187.318.468	1.386.845.434.535
Khấu hao					
Số đầu năm	72.610.150.143	232.121.190.713	6.328.365.241	222.937.516	311.282.643.613
Khấu hao trong năm	11.027.649.156	37.361.686.112	1.723.377.099	-	50.112.712.367
T/lý, nhượng bán	-	-	2.444.027.180	35.619.048	2.479.646.228
Số cuối kỳ	83.637.799.299	269.482.876.825	5.607.715.160	187.318.468	358.915.709.752
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	375.459.039.382	692.293.331.048	7.757.271.939	-	1.075.509.642.369
Số cuối năm	364.431.390.226	655.763.412.209	7.734.922.348	-	1.027.929.724.783

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.015.818.005.023 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 4.632.167.804 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.400.000.000	3.400.000.000
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	3.400.000.000	3.400.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	3.400.000.000	3.400.000.000
Số cuối năm	3.400.000.000	3.400.000.000

- Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 650 Lê Duẩn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, nguyên giá 3.400.000.000 đồng do nhận góp vốn của Công ty TNHH 30-04 Gia Lai.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Thiết bị phụ tùng thay thế nhà máy thủy điện	6.251.650.904	7.187.361.400
	<u>6.251.650.904</u>	<u>7.187.361.400</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.033.171.313	29.793.772.582	30.298.737.881	1.528.206.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.363.803.098	7.090.693.207	10.311.857.489	2.142.638.816
Thuế thu nhập cá nhân	67.680.487	2.394.507.043	2.377.457.144	84.730.386
Thuế tài nguyên	2.128.499.308	31.400.374.568	32.010.160.306	1.518.713.570
Các loại thuế khác	2.093.049.892	13.139.377.380	12.192.332.320	3.040.094.952
Cộng	<u>11.686.204.098</u>	<u>83.818.724.780</u>	<u>87.190.545.140</u>	<u>8.314.383.738</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Trích trước lãi vay	815.234.468	908.559.000
Chi phí thuế đường truyền	61.543.244	-
Các khoản trích trước khác	673.299	673.299
Cộng	<u>877.451.011</u>	<u>909.232.299</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.892.111.125	1.529.149.375
Cộng	<u>1.892.111.125</u>	<u>1.529.149.375</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	72.039.000.000	78.382.200.000	72.346.200.000	78.075.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	72.039.000.000	78.382.200.000	72.346.200.000	78.075.000.000
Cộng	72.039.000.000	78.382.200.000	72.346.200.000	78.075.000.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm (*)	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	692.144.850.000	10.167.250.000	72.346.200.000	629.965.900.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	692.144.850.000	10.167.250.000	72.346.200.000	629.965.900.000
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Cộng	692.144.850.000	10.167.250.000	72.346.200.000	629.965.900.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	72.039.000.000			78.075.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	620.105.850.000			551.890.900.000

(*) Toàn bộ số vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng trong năm là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn cuối kỳ.

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 15/01/2008 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tỉnh Gia Lai và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2009/PLHĐ ngày 03/03/2009, phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/2009/PLHĐ ngày 16/04/2009, phụ lục sửa đổi số 01/2014/PL-HĐTD ngày 17/03/2014.

- ✓ Mục đích vay: Xây dựng Thủy điện Sê San 4A;
- ✓ Thời hạn vay: 18 năm;
- ✓ Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo cộng thêm phí ngân hàng là 2,5%/năm đối với khoản vay VND và phí ngân hàng là 2%/năm đối với khoản vay USD và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng.
- ✓ Thời gian trả nợ: kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 29/12/2011 đối với khoản vay bằng VND, ngày 29/06/2012 đối với khoản vay bằng USD.
- ✓ Tài sản thế chấp nợ vay là toàn bộ tài sản của dự án nhà máy Thủy điện Sê san 4A.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	422.000.000.000	13.026.367.939	27.265.757.375	462.292.125.314
Tăng trong năm	-	1.000.000.000	134.237.526.581	135.237.526.581
Giảm trong năm	-	-	69.465.757.375	69.465.757.375
Số dư tại 31/12/2017	422.000.000.000	14.026.367.939	92.037.526.581	528.063.894.520
Số dư tại 01/01/2018	422.000.000.000	14.026.367.939	92.037.526.581	528.063.894.520
Tăng trong năm	-	1.000.000.000	131.298.992.046	132.298.992.046
Giảm trong năm	-	-	180.657.526.581	180.657.526.581
Số dư tại 31/12/2018	422.000.000.000	15.026.367.939	42.678.992.046	479.705.359.985

b. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	42.200.000	42.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	422.000.000.000	422.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	422.000.000.000	422.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	92.037.526.581	27.265.757.375
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	131.298.992.046	134.237.526.581
Phân phối lợi nhuận	180.657.526.581	69.465.757.375
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	92.037.526.581	27.265.757.375
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.417.526.581	945.757.375
+ Trả cổ tức bằng tiền	88.620.000.000	25.320.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	88.620.000.000	42.200.000.000
+ Tạm ứng cổ tức	88.620.000.000	42.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	42.678.992.046	92.037.526.581

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHCD – S4A ngày 09/04/2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018; Tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 10/04/2018 và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 10/10/2018 của Hội đồng quản trị.

e. Cổ tức

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHCD – S4A ngày 09/04/2018 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 31%/vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 130.820.000.000 đồng. Theo đó, Công ty đã tạm ứng đợt 1 với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 42.200.000.000 đồng vào ngày 25/08/2017, tạm ứng đợt 2 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ, tương ứng với số tiền 63.300.000.000 đồng vào ngày 01/02/2018 và chi trả phần còn lại đợt 3 với tỷ lệ 6%/vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 25.320.000.000 đồng vào ngày 15/05/2018.

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 10/04/2018 đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 21.100.000.000 đồng, chi trả vào ngày 15/05/2018; Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 10/10/2018 đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 với tỷ lệ 16%/vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 67.520.000.000 đồng, được chi trả vào ngày 05/11/2018.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán điện thương phẩm	307.491.761.323	286.030.187.288
Cộng	307.491.761.323	286.030.187.288

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn điện thương phẩm	106.701.394.598	94.963.355.116
Cộng	106.701.394.598	94.963.355.116

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	1.543.665.072	3.788.287.457
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	25.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.522.980.000
Cộng	1.543.665.072	5.336.467.457

24. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	45.893.265.833	50.453.633.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	671.800.000	64.301.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	10.167.250.000	-
Cộng	56.732.315.833	50.517.934.648

25. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên	2.449.061.500	2.943.610.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.910.477.682	1.338.873.620
Các khoản khác	3.211.811.054	2.549.752.251
Cộng	7.571.350.236	6.832.236.309

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	327.272.727	-
Cho thuê trụ sở	32.727.273	32.727.273
Thu nhập khai thác đá (tận thu)	-	140.000.000
Tiền chênh lệch tỷ giá năm 2015 theo H/đồng sửa đổi bổ sung ngày 11/07/2017	-	2.716.000.000
Cộng	360.000.000	2.888.727.273

27. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí liên quan khai thác đá (tận thu)	-	126.000.000
Các khoản khác	680.475	5.232.266
Cộng	680.475	131.232.266

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.389.685.253	141.810.623.679
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	138.029.685.253	139.053.128.672
- Hoạt động không được ưu đãi	360.000.000	2.757.495.007
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.248.433.422	1.177.256.432
- Điều chỉnh tăng(chi phí không hợp lệ)	2.248.433.422	1.177.256.432
+ Chi phí không hợp lệ	2.248.433.422	1.177.256.432
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	140.638.118.675	142.987.880.111
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	140.278.118.675	140.225.152.838
- Hoạt động không được ưu đãi	360.000.000	2.762.727.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.099.811.868	14.575.060.739
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	14.027.811.868	14.022.515.284
- Hoạt động không được ưu đãi	72.000.000	552.545.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	7.013.905.934	7.011.257.642
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	7.013.905.934	7.011.257.642
- Hoạt động không được ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.090.693.207	7.573.097.098
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	7.085.905.934	7.563.803.098
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	4.787.273	9.294.000

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	131.298.992.046	134.237.526.581
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.417.526.581)
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	2.417.526.581
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	131.298.992.046	131.820.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	42.200.000	42.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	3.111	3.124

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định số liệu trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi; Do đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu phê duyệt của đại hội Cổ đông sắp đến về quỹ khen thưởng phúc lợi được trích.

Lãi cơ bản năm 2017 thay đổi do Công ty thực hiện phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết đại hội Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ-S4A ngày 09/04/2018.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.986.710.839	792.712.449
Chi phí nhân công	9.166.033.620	9.202.571.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.112.712.367	49.399.751.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.018.135.746	1.050.232.720
Chi phí khác bằng tiền	50.989.152.262	41.350.323.619
Cộng	114.272.744.834	101.795.591.425

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

32. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, giá và tỷ giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các khoản vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro này thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công cụ tài chính bằng ngoại tệ	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ (USD)	20.330.000,00	22.530.000,00
Phải trả người bán (USD)	-	-

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng duy nhất của Công ty là Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

650 Lê Duẩn, Phường Thăng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.368.050	-	2.368.050
Chi phí phải trả	877.451.011	-	877.451.011
Vay và nợ thuê tài chính	78.075.000.000	551.890.900.000	629.965.900.000
Phải trả khác	1.892.111.125	-	1.892.111.125
Cộng	80.846.930.186	551.890.900.000	632.737.830.186
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.573.547	-	4.573.547
Chi phí phải trả	909.232.299	-	909.232.299
Vay và nợ thuê tài chính	72.039.000.000	620.105.850.000	692.144.850.000
Phải trả khác	1.529.149.375	-	1.529.149.375
Cộng	74.481.955.221	620.105.850.000	694.587.805.221

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh toán của Công ty ở mức kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.121.641.929	-	31.121.641.929
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	42.099.379.706	-	42.099.379.706
Phải thu khác	60.906.057	-	60.906.057
Cộng	75.281.927.692	-	75.281.927.692
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.808.399.506	-	118.808.399.506
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.131.805.556	-	2.131.805.556
Phải thu khách hàng	24.306.908.387	-	24.306.908.387
Phải thu khác	581.845.332	-	581.845.332
Cộng	145.828.958.781	-	145.828.958.781

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 về việc tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2018 với tỷ lệ là 9%/vốn điều lệ, hình thức chi trả bằng tiền mặt. Ngày đăng ký cuối cùng cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức là 16/1/2019, thời gian chi trả 29/01/2019.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	Công ty mẹ

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	Cổ tức đã nhận	95.364.792.600	36.329.444.800

c. Các thông tin khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập của Hội đồng quản trị	1.292.000.000	906.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	970.700.000	883.100.000

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Chủ tịch Hội đồng quản trị

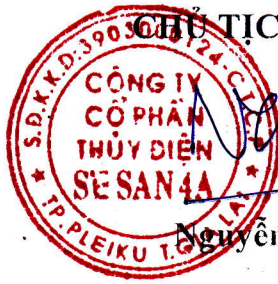
Nguyễn Sinh
 Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bình
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hậu
Người lập biểu

Vũ Thị Hậu



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Sinh